

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 105/ĐHGD - HCTH
V/v báo cáo ba công khai định kì
năm học 2016-2017

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Đại học Quốc gia Hà Nội

Thực hiện định kỳ báo cáo ba công khai năm học 2016-2017 đối với các cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009.

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội xin báo cáo nội dung công khai năm học 2016 – 2017 (tài liệu đính kèm).

Trường Đại học Giáo dục xin trân trọng báo cáo. /s/

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, HCTH

BIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
GIÁO DỤC
PGS.TS. Lê Kim Long

Biểu mẫu 21

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo thực tế của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2016-2017

TT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
I	Đại học chính quy							
a	Chương trình đại trà							
1		2010-2014						
	Ngành Sư phạm Toán		50	50	0	34	62	85%
	Ngành Sư phạm Vật lý		43	37	0	57	38	82%
	Ngành Sư phạm Hóa học		39	38	0	50	47	84%
	Ngành Sư phạm Sinh học		22	22	0	14	86	83%
	Ngành Sư phạm Ngữ văn		51	47	2	66	32	87%
	Ngành Sư phạm Lịch sử		48	39	0	23	77	80%
2		2011-2015						
	Ngành Sư phạm Toán		43	36	0	50	42	100%
	Ngành Sư phạm Vật lý		42	40	5	50	45	87%
	Ngành Sư phạm Hóa học		43	40	0	33	68	92%
	Ngành Sư phạm Sinh học		35	31	0	19	81	95%
	Ngành Sư phạm Ngữ văn		47	42	10	55	33	96%
	Ngành Sư phạm Lịch sử		47	36	0	33	58	78%
3		2012-2016						
	Ngành Sư phạm Toán		58	50	0	24	76	
	Ngành Sư phạm Vật lý		41	34	6	65	29	
	Ngành Sư phạm Hóa học		40	34	0	44	53	
	Ngành Sư phạm Sinh học		35	25	0	40	56	
	Ngành Sư phạm Ngữ văn		52	35	6	51	43	
	Ngành Sư phạm Lịch sử		35	27	0	44	56	
4		2013-2017						
	Ngành Sư phạm Toán		56					
	Ngành Sư phạm Vật lý		63					
	Ngành Sư phạm Hóa học		49					
	Ngành Sư phạm Sinh học		69					
	Ngành Sư phạm Ngữ văn		65					
	Ngành Sư phạm Lịch sử		34					
5		2014-2018						
	Ngành Sư phạm Toán		48					
	Ngành Sư phạm Vật lý		44					
	Ngành Sư phạm Hóa học		46					



Handwritten signature or mark.

TT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Ngành Sư phạm Sinh học		33					
	Ngành Sư phạm Ngữ văn		47					
	Ngành Sư phạm Lịch sử		66					
6		2015-2019						
	Ngành Sư phạm Toán		52					
	Ngành Sư phạm Vật lý		36					
	Ngành Sư phạm Hóa học		40					
	Ngành Sư phạm Sinh học		42					
	Ngành Sư phạm Ngữ văn		51					
	Ngành Sư phạm Lịch sử		38					
7		2016-2020						
	Ngành Sư phạm Toán		63					
	Ngành Sư phạm Vật lý		43					
	Ngành Sư phạm Hóa học		53					
	Ngành Sư phạm Sinh học		19					
	Ngành Sư phạm Ngữ văn		67					
	Ngành Sư phạm Lịch sử		37					
III								
2	Chương trình chính quy tập trung Khóa 2013-2015							
a	Ngành SP Toán		35	42				
b	Ngành SP Vật lý		25	16				
c	Ngành SP Hóa học		36	30				
d	Ngành SP Lịch sử		13	19				
e	Ngành SP Sinh học		15	22				
f	Ngành SP Ngữ văn		25	27				
g	Ngành Tâm lý học		7					
h	Ngành Thạc sĩ QLGD		184	63				
3	Chương trình chính quy tập trung Khóa 2014-2016							
a	Ngành SP Toán		36	37				
b	Ngành SP Vật lý		13	30				
c	Ngành SP Hóa học		43	27				
d	Ngành SP Lịch sử		10	8				
e	Ngành SP Sinh học		22	22				
f	Ngành SP Ngữ văn		18	28				
g	Ngành Tâm lý học		9					
h	Đo lường và đánh giá		17					
i	Ngành Thạc sĩ QLGD		170	195				
4	Chương trình chính quy tập trung Khóa 2015-2017							
a	Ngành SP Toán		42	34				
b	Ngành SP Vật lý		29	37				
c	Ngành SP Hóa học		33	53				
d	Ngành SP Lịch sử		6	12				
e	Ngành SP Sinh học		6	23				
f	Ngành SP Ngữ văn		27	31				
g	Ngành Tâm lý học		13	4				

TT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
h	Đo lường và đánh giá		20	0				
i	Ngành Thạc sĩ QLGD		184	120				
4	Chương trình chính quy tập trung Khóa 2016-2018							
a	Ngành SP Toán		76	2				
b	Ngành SP Vật lý		34	1				
c	Ngành SP Hóa học		25	3				
d	Ngành SP Lịch sử		9					
e	Ngành SP Sinh học		4					
f	Ngành SP Ngữ văn		25					
g	Ngành Tâm lý học		15	3				
h	Đo lường và đánh giá		17					
i	Ngành Thạc sĩ QLGD		234	41				
	Tiến sĩ							100%
a	Chương trình đại trà	2013-2016						
	Ngành Quản lý giáo dục		7	2				100%
	Ngành Đo lường và đánh giá trong GD		0	0				
	Ngành Tâm lý học		0	0				
a	Chương trình đại trà	2014-2017						
	Ngành Quản lý giáo dục		18	0				
	Ngành Đo lường và đánh giá trong GD		3	0				
	Ngành Tâm lý học		0	0				
a	Chương trình đại trà	2015-2018						
	Ngành Quản lý giáo dục		17	0				
	Ngành Đo lường và đánh giá trong GD		7	0				
	Ngành Tâm lý học		0	0				
a	Chương trình đại trà	2016-2019						
	Ngành Quản lý giáo dục		11	0				
	Ngành Đo lường và đánh giá trong GD		10	0				
	Ngành Tâm lý học		4	0				

Người lập biểu

Ký và ghi rõ họ tên



Nguyễn Chi Mai

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Thủ trưởng đơn vị

Ký tên và đóng dấu



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Kim Long

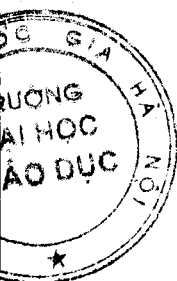
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

Biểu mẫu 22

THÔNG BÁO

Công khai cơ sở vật chất của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2016 -2017

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	Diện tích đất đai (sử dụng chung với ĐHQGHN)	ha	1.85
II	Diện tích sàn xây dựng	m ²	14,600
1	Giảng đường	m ²	
	Số phòng	phòng	55
	Tổng diện tích	m ²	3,897
2	Phòng học máy tính		
	Số phòng	phòng	5
	Tổng diện tích	m ²	330
3	Phòng học ngoại ngữ		
	Số phòng	phòng	4
	Tổng diện tích	m ²	225
4	Thư- viện	m ²	
4.1	Thuộc sở hữu trường ĐHGĐ	m ²	380
4.2	Sử dụng chung với ĐHQGHN (6000m ²)	m ²	
5	Phòng thí nghiệm		
	Số phòng	phòng	1
	Tổng diện tích	m ²	100
6	Xưởng thực tập, thực hành		
	Số phòng	phòng	2
	Tổng diện tích	m ²	110
7	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý (sử dụng chung với ĐHQGHN)		
8	Diện tích nhà ăn của cơ sở đào tạo	m ²	
8.1	Thuộc sở hữu trường ĐHGĐ	m ²	500
8.2	Sử dụng chung với ĐHQGHN	m ²	
9	Diện tích khác:		
9.1	Diện tích hội trường	m ²	270



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
9.2	Diện tích nhà văn hóa	m^2	Sử dụng chung với ĐHQGHN
9.3	Diện tích nhà thi đấu đa năng và sân vận động sử dụng chung với ĐHQGHN	m^2	
9.4	Diện tích bể bơi	m^2	

Ghi chú: Bảng thống kê cơ sở vật chất chỉ sử dụng cho đào tạo năm cuối, 3 năm đầu đào tạo theo mô hình a+b tại trường ĐHXH&NV và trường ĐHKHTN

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Trung Sơn.

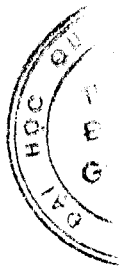
Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Kim Long

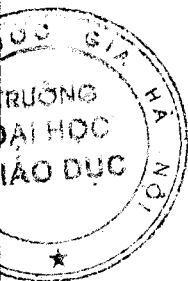


Biểu mẫu 22

THÔNG BÁO

Công khai cơ sở vật chất của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2016 -2017

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	Diện tích đất đai (sử dụng chung với ĐHQGHN)	ha	1.85
II	Diện tích sàn xây dựng	m ²	14,600
1	Giảng đường	m ²	
	Số phòng	phòng	55
	Tổng diện tích	m ²	3,897
2	Phòng học máy tính		
	Số phòng	phòng	5
	Tổng diện tích	m ²	330
3	Phòng học ngoại ngữ		
	Số phòng	phòng	4
	Tổng diện tích	m ²	225
4	Thư- viện	m ²	
4.1	Thuộc sở hữu trường ĐHGĐ	m ²	380
4.2	Sử dụng chung với ĐHQGHN (6000m ²)	m ²	
5	Phòng thí nghiệm		
	Số phòng	phòng	1
	Tổng diện tích	m ²	100
6	Xưởng thực tập, thực hành		
	Số phòng	phòng	2
	Tổng diện tích	m ²	110
7	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý (sử dụng chung với ĐHQGHN)		
8	Diện tích nhà ăn của cơ sở đào tạo	m ²	
8.1	Thuộc sở hữu trường ĐHGĐ	m ²	500
8.2	Sử dụng chung với ĐHQGHN	m ²	
9	Diện tích khác:		
9.1	Diện tích hội trường	m ²	270



22

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
9.2	Diện tích nhà văn hóa	m^2	Sử dụng chung với ĐHQGHN
9.3	Diện tích nhà thi đấu đa năng và sân vận động sử dụng chung với ĐHQGHN	m^2	
9.4	Diện tích bể bơi	m^2	

Ghi chú: Bảng thống kê cơ sở vật chất chi sử dụng cho đào tạo năm cuối, 3 năm đầu đào tạo theo mô hình a+b tại trường ĐHXH&NV và trường ĐHKHTN *U*

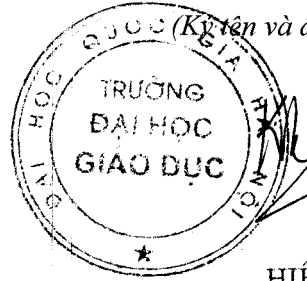
Hà nội, ngày tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Handwritten signature]

Thiên Trường Sơn.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Kim Long



THÔNG BÁO
Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học
Năm học 2016-2017

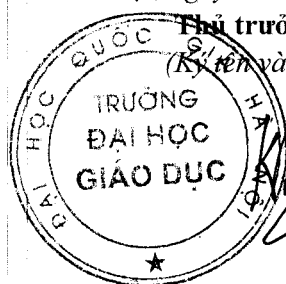
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí 1SV/năm
I	Học phí hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2015-2016	triệu đồng/năm	
1	Tiến sĩ	triệu đồng/năm	16.750
2	Thạc sĩ	triệu đồng/năm	10.050
3	Chuyên khoa Y cấp II	triệu đồng/năm	0
4	Đại học	triệu đồng/năm	0
5	Chuyên khoa Y cấp I	triệu đồng/năm	0
6	Cao đẳng	triệu đồng/năm	0
7	Trung cấp chuyên nghiệp	triệu đồng/năm	0
I	Học phí hệ chính quy chương trình khác năm học 2015-2016	triệu đồng/năm	
1	Tiến sĩ	triệu đồng/năm	0
2	Thạc sĩ	triệu đồng/năm	0
3	Chuyên khoa Y cấp II	triệu đồng/năm	0
4	Đại học	triệu đồng/năm	0
5	Chuyên khoa Y cấp I	triệu đồng/năm	0
6	Cao đẳng	triệu đồng/năm	0
7	Trung cấp chuyên nghiệp	triệu đồng/năm	0
II	Học phí hệ vừa học vừa làm tại trường năm học 2015-2016	triệu đồng/năm	
1	Tiến sĩ	triệu đồng/năm	0
2	Thạc sĩ	triệu đồng/năm	0
3	Chuyên khoa Y cấp II	triệu đồng/năm	0
4	Chuyên khoa Y cấp I	triệu đồng/năm	0
5	Đại học	triệu đồng/năm	0
6	Cao đẳng	triệu đồng/năm	0
7	Trung cấp chuyên nghiệp	triệu đồng/năm	0
IV	Tổng thu năm 2016	tỷ đồng	31.402
1	Từ ngân sách	tỷ đồng	17.695
2	Từ học phí, lệ phí	tỷ đồng	9.103
3	Từ nghiên cứu học học và chuyển giao công nghệ	tỷ đồng	0.150
4	Từ nguồn khác	tỷ đồng	4.454

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thái Liên

Nguyễn Thị Thái Liên



Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Kim Long

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
của cơ sở giáo dục đại học năm học 2016-2017


Đơn vị tính: Người

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo trình độ đào tạo						
			Giáo sư	Phó Giáo sư	TSKH, Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác
	1	2 (3+4+5+6 +7+8+9)	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	76	2	12	39	23	0	0	0
1	Khoa Quản lý Giáo dục	15	1	4	10	0	0	0	0
2	Khoa Sư phạm	41	1	6	18	16	0	0	0
3	Bộ môn Đo lường & Đánh giá	5	0	0	4	1	0	0	0
3	Khoa các Khoa học Giáo dục	15	0	2	7	6	0	0	0

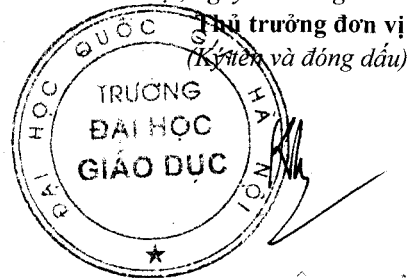
Lưu ý: Các TSKH và Tiến sỹ nếu đã tính trong mục Giáo sư (3), Phó giáo sư (4) thì không tính trong mục TSKH, Tiến sỹ (5) nữa.

* Ghi chú: Do đặc thù mô hình đào tạo a+b nên tổng số giảng viên của Trường Đại học Giáo dục ở trên không bao gồm các giảng viên đảm nhận công tác giảng dạy cho sinh viên đại học chính quy trong 3 năm đầu tại Trường ĐHXH&NV và Trường ĐHKHTN

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Phú Hoàng

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Kim Long

PHỤ LỤC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

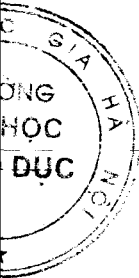
Biểu mẫu 20

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2016-2017

Ngành: Sư phạm Toán/ Hóa học/ Vật lý/ Sinh học/ Ngữ văn/ Lịch sử

TT	Nội dung	Hệ đào tạo chính quy			
		Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng
I	Điều kiện tuyển sinh			<p>- Tuyển sinh trong cả nước. - Điểm trúng tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực chung của Đại học Quốc gia Hà Nội, cụ thể: Sư phạm Toán: 100, Sư phạm Vật lý: 92, Sư phạm Hoá học: 94, Sư phạm Sinh học: 87, Sư phạm Ngữ văn: đợt 1: 86; đợt 2: 91, Sư phạm Lịch sử: 77. - Ngoài ra, Trường Đại học Giáo dục còn xét tuyển theo các hình thức: Xét tuyển, Tuyển thẳng, Ưu tiên xét tuyển, Xét tuyển thẳng, Xét tuyển thẳng và xét tuyển đối với học sinh trường THPT chuyên</p>	



QUỐC
TRÍ
ĐẠ
GIÁC

II	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...)				
III	Đội ngũ giảng viên				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học				
V	Yêu cầu về thái độ học tập của người học			<ul style="list-style-type: none">- Có tinh thần học hỏi, cầu tiến- Tham gia đầy đủ giờ giảng của giảng viên- Tích cực thực hiện các bài tập, tham gia nghiêm túc các kỳ thi hết học phần, bảo vệ khóa luận văn tốt nghiệp ...- Tham gia các sinh hoạt học tập, sinh hoạt cộng đồng khác khi Nhà trường và Khoa yêu cầu.- Thực hiện đầy đủ qui chế đào tạo đại học do ĐHQG Hà Nội ban hành và các qui định khác của Nhà trường.	

2

VI	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được		<p>- Tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.</p> <p>- Các kỹ năng nghề nghiệp, khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, khả năng tư duy theo hệ thống, khả năng tư duy theo bối cảnh xã hội và ngoại cảnh, khả năng tư duy theo bối cảnh tổ chức, năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp và các kỹ năng bổ trợ khác.</p>	
VII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ		<p>- Làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học, hướng dẫn và bồi dưỡng học sinh giỏi tại các trường phổ thông</p> <p>- Làm công tác nghiên cứu ở các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, Luận và phương pháp dạy học bộ môn</p>	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

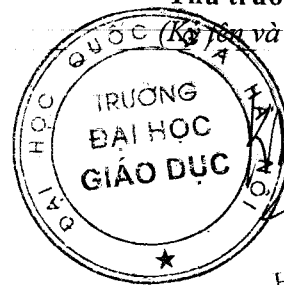


Nguyễn Chi Mai

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Lê Kim Long

THÔNG BÁO
Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học
Năm học 2016-2017

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí 1SV/năm
	Học phí hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2015-2016		
I		triệu đồng/năm	
1	Tiến sỹ	triệu đồng/năm	16.750
2	Thạc sỹ	triệu đồng/năm	10.050
3	Chuyên khoa Y cấp II	triệu đồng/năm	0
4	Đại học	triệu đồng/năm	0
5	Chuyên khoa Y cấp I	triệu đồng/năm	0
6	Cao đẳng	triệu đồng/năm	0
7	Trung cấp chuyên nghiệp	triệu đồng/năm	0
	Học phí hệ chính quy chương trình khác năm học 2015-2016		
I		triệu đồng/năm	
1	Tiến sỹ	triệu đồng/năm	0
2	Thạc sỹ	triệu đồng/năm	0
3	Chuyên khoa Y cấp II	triệu đồng/năm	0
4	Đại học	triệu đồng/năm	0
5	Chuyên khoa Y cấp I	triệu đồng/năm	0
6	Cao đẳng	triệu đồng/năm	0
7	Trung cấp chuyên nghiệp	triệu đồng/năm	0
	Học phí hệ vừa học vừa làm tại trường năm học 2015-2016		
II		triệu đồng/năm	
1	Tiến sỹ	triệu đồng/năm	0
2	Thạc sỹ	triệu đồng/năm	0
3	Chuyên khoa Y cấp II	triệu đồng/năm	0
4	Chuyên khoa Y cấp I	triệu đồng/năm	0
5	Đại học	triệu đồng/năm	0
6	Cao đẳng	triệu đồng/năm	0
7	Trung cấp chuyên nghiệp	triệu đồng/năm	0
IV	Tổng thu năm 2016	tỷ đồng	31.402
1	Từ ngân sách	tỷ đồng	17.695
2	Từ học phí, lệ phí	tỷ đồng	9.103
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	tỷ đồng	0.150
4	Từ nguồn khác	tỷ đồng	4.454

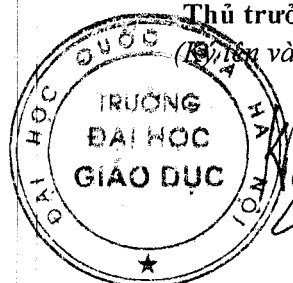
Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Hải Yến

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Kim Long

PHỤ LỤC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

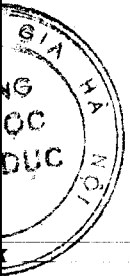
Biểu mẫu 20

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2016-2017

Ngành: Sư phạm Toán/ Hóa học/ Vật lý/ Sinh học/ Ngữ văn/ Lịch sử

TT	Nội dung	Hệ đào tạo chính quy			
		Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng
I	Điều kiện tuyển sinh			<p>- Tuyển sinh trong cả nước. - Điểm trúng tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực chung của Đại học Quốc gia Hà Nội, cụ thể: Sư phạm Toán: 100, Sư phạm Vật lý: 92, Sư phạm Hoá học: 94, Sư phạm Sinh học: 87, Sư phạm Ngữ văn: đợt 1: 86; đợt 2: 91, Sư phạm Lịch sử: 77. - Ngoài ra, Trường Đại học Giáo dục còn xét tuyển theo các hình thức: Xét tuyển, Tuyển thẳng, Ưu tiên xét tuyển, Xét tuyển thẳng, Xét tuyển thẳng và xét tuyển đối với học sinh trường THPT chuyên</p>	



Handwritten signature or mark.

II	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...)				
III	Đội ngũ giảng viên				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học				
V	Yêu cầu về thái độ học tập của người học			<ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần học hỏi, cầu tiến - Tham gia đầy đủ giờ giảng của giảng viên - Tích cực thực hiện các bài tập, tham gia nghiêm túc các kỳ thi hết học phần, bảo vệ khóa luận văn tốt nghiệp ... - Tham gia các sinh hoạt học tập, sinh hoạt cộng đồng khác khi Nhà trường và Khoa yêu cầu. - Thực hiện đầy đủ qui chế đào tạo đại học do ĐHQG Hà Nội ban hành và các qui định khác của Nhà trường. 	

Handwritten signature or mark

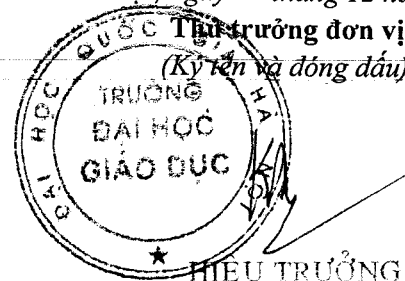
VI	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được		<p>- Tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.</p> <p>- Các kỹ năng nghề nghiệp, khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, khả năng tư duy theo hệ thống, khả năng tư duy theo bối cảnh xã hội và ngoại cảnh, khả năng tư duy theo bối cảnh tổ chức, năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp và các kỹ năng bổ trợ khác.</p>	
VII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ		<p>- Làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học, hướng dẫn và bồi dưỡng học sinh giỏi tại các trường phổ thông</p> <p>- Làm công tác nghiên cứu ở các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, Luận văn và phương pháp dạy học bộ môn</p>	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Chi Mai

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016



PGS.TS. Lê Kim Long

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
của cơ sở giáo dục đại học năm học 2016-2017

Đơn vị tính: Người

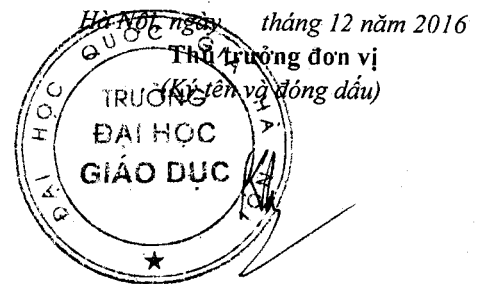
TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo trình độ đào tạo						
			Giáo sư	Phó Giáo sư	TSKH, Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác
	1	2 (3+4+5+6 +7+8+9)	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	76	2	12	39	23	0	0	0
1	Khoa Quản lý Giáo dục	15	1	4	10	0	0	0	0
2	Khoa Sư phạm	41	1	6	18	16	0	0	0
3	Bộ môn Đo lường & Đánh giá	5	0	0	4	1	0	0	0
3	Khoa các Khoa học Giáo dục	15	0	2	7	6	0	0	0

Lưu ý: Các TSKH và Tiến sỹ nếu đã tính trong mục Giáo sư (3), Phó giáo sư (4) thì không tính trong mục TSKH, Tiến sỹ (5) nữa.

* Ghi chú: Do đặc thù mô hình đào tạo a+b nên tổng số giảng viên của Trường Đại học Giáo dục ở trên không bao gồm các giảng viên đảm nhận công tác giảng dạy cho sinh viên đại học chính quy trong 3 năm đầu tại Trường ĐHKHTN

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hương
Nguyễn Thị Hương



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Kim Long